

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ;

Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Y học;

Chuyên ngành: Ngoại khoa

A.THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN MINH AN

2. Ngày tháng năm sinh: 13/10/1978 Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Xã Quảng Long – Huyện Quảng Xương – Tỉnh Thanh Hóa.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 31 - Cụm 4 - Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện):

TS.BS NGUYỄN MINH AN

Khoa Điều Dưỡng

Trường Cao Đẳng Y tế - Hà Nội

35 Đoàn Thị Điểm – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: Không;

Điện thoại di động: 0988.922.799

E-mail: dr_minhan413@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1996 - 2003: Học bác sĩ đa khoa tại trường Đại học Y Khoa Thái Nguyên

- Từ năm 2003 - 2004: Học sĩ quan dự bị tại Học Viện Quân Y

- Từ năm 2004 - 2005: Học Chuyên khoa định hướng Ngoại tại Đại Học Y Hà Nội.

- Từ năm 2005 - 2007: Học thạc sĩ chuyên ngành ngoại chung tại Học Viện Quân Y

- Từ năm 2006 - Nay: Giảng viên trường Cao đẳng Y tế Hà Nội,

Bác sĩ tại khoa Ngoại tiết niệu Bệnh viện Đa khoa Xanh pôn, Hà Nội.

- Từ năm 2008 - 2014: Học tiến sĩ chuyên ngành ngoại tiêu hóa tại Học Viện Quân Y.

- Từ năm 2017 - Nay: Giảng viên thỉnh giảng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

- Từ năm 2019 - 2021: Giảng viên thỉnh giảng trường Đại Học Y Dược Hải Phòng
- Từ năm 2019 - Nay: Giảng viên thỉnh giảng trường Đại học Y Dược Thái Bình.
- Chức vụ hiện nay:
 - + Trưởng bộ môn ngoại – Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội.
 - + Phó trưởng khoa Điều Dưỡng – Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội.
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng Đào Tạo - Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội.
- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: Số 35 – Đoàn Thị Điểm – Đống Đa – Hà Nội

- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- + Trường Đại học Y Dược Thái Bình
- + Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- + Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

8. Đã nghỉ hưu từ tháng.....năm.....

- Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

- Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- + Trường Đại học Y Dược Thái Bình
- + Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 26 tháng 08 năm 2003; số văn bằng: B0528307; ngành: Y khoa; chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Khoa Thái Nguyên - Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngoại khoa ngày 04 tháng 04 năm 2008; số văn bằng: 07-0893; ngành: Y học, chuyên ngành: Ngoại khoa; Nơi cấp bằng thạc sĩ ngoại khoa: Học Viện Quân Y – Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 16 tháng 07 năm 2015; số văn bằng: 004237; ngành: Y học; chuyên ngành: Ngoại tiêu hóa; Nơi cấp bằng tiến sĩ: Học Viện Quân Y – Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y dược Thái Bình.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
- Hướng nghiên cứu 2: Chăm sóc người bệnh trước và sau phẫu thuật.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **01** học viên chuyên khoa cấp 2 bảo vệ thành công luận văn bác sĩ chuyên khoa cấp 2.

- Đã hướng dẫn **13** học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ.
- Đã hướng dẫn **02** Bác sĩ nội trú bảo vệ thành công luận văn bác sĩ nội trú.
- Đang hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh (*chưa tốt nghiệp*)
- Đang hướng dẫn 02 học viên cao học (*chưa tốt nghiệp*)
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ trì **07** đề tài NCKH cấp cơ sở, đã nghiệm thu.

- Bên cạnh đó tôi đang thực hiện:

+ 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố Hà Nội

+ 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở

- Đã công bố **80** bài báo trong đó có **71** bài báo trong nước và **9** bài trên tạp chí quốc tế

- Số lượng sách đã xuất bản: Chủ biên **03** cuốn sách tham khảo

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sỹ TĐCS: 2012

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

- Là một giảng viên tâm huyết với nghề, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục, luôn tận tình giảng dạy cho các thế hệ sinh viên, học viên tại các trường tham gia giảng dạy.

- Luôn có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc với vai trò vừa là giảng viên vừa là bác sĩ.

- Đã kết hợp tốt giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng như phục vụ điều trị và chăm sóc sức khỏe bệnh nhân.

- Luôn không ngừng tu dưỡng, phấn đấu, học tập để phục vụ ngày càng tốt hơn công việc giảng dạy cho sinh viên, điều trị bệnh cho bệnh nhân.

- Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị.

- Quan hệ tốt với đồng nghiệp, với người bệnh và người nhà người bệnh đúng mức.

Luôn chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức cho học viên và đồng nghiệp.

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng đơn vị, Bệnh viện và Nhà trường

- Luôn thực hiện đúng chủ trương, quan điểm, đường lối, Nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Luôn chấp hành đầy đủ và đúng mọi nội quy của khoa phòng bệnh viện và quy định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số **08** năm thâm niên đào tạo từ đại học trở lên.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn	Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn		Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/ số giờ chuẩn gd quy đổi/Số giờ chuẩn định mức(*)
			Chính	Phụ		ĐH	SĐH	
1	2019-2020		2				136	136/265,75/135
2	2020-2021		2				115	115/163/135
3	2021-2022		3				135	135/291,5/135
03 năm học cuối								
4	2022-2023		1	1			190	190/267,5/135
5	2023-2024		1				235	235/306,5/135
6	2024-2025						148	148/202/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐ :

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☒:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2 TOEFT ITP Tiếng Anh (Tổng 533 điểm)

- Đã được cấp giấy chứng nhận TOEFT ITP (Tổng 533 điểm) vào ngày 08/08/2012;

Nơi cấp chứng nhận: IIG Việt Nam

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ... đến	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/Có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/BS NT	Chính	Phụ			
1	Đỗ Hải Đông		CH	X		2016- 2017	ĐH ĐĐ Nam Định	15/03/2018
2	Huỳnh Nam Trung		CH	X		2016- 2017	ĐH ĐĐ Nam Định	15/03/2018
3	Phạm Thị Nga		CH	X		2016- 2017	ĐH ĐĐ Nam Định	15/03/2018
4	Đỗ Thị Thắm		CH	X		2017- 2018	ĐH ĐĐ Nam Định	14/02/2019
5	Phạm Thúy Quỳnh		CH	X		2017- 2018	ĐH ĐĐ Nam Định	14/02/2019
6	Nguyễn Thị Mai		CH	X		2017- 2018	ĐH ĐĐ Nam Định	14/02/2019
7	Đỗ Hải Hùng		CK2	X		2019- 2020	ĐH YD Hải Phòng	22/01/2021
8	Tô Văn Liệu		CH	X		2019- 2020	ĐH YD Hải Phòng	04/01/2021
9	Hoàng Thị Thanh Huyền		CH	X		2020- 2021	ĐH ĐĐ Nam Định	24/12/2021
10	Phan Hoàng Nam		CH, NT	X		2020- 2021	ĐH YD Thái Bình	28/02/2022 18/04/2022
11	Sỹ Thị Thanh Huyền		CH	X		2021- 2022	Đại học Thăng Long	12/08/2022
12	Trịnh Văn Thọ		CH	X		2021- 2022	ĐH ĐĐ Nam Định	11/11/2022
13	Nguyễn Thị Lệ Thủy		CH	X		2021- 2022	ĐH ĐĐ Nam Định	11/11/2022
14	Phạm Văn Mạnh		CH	X		2022- 2023	ĐH ĐĐ Nam Định	12/05/2023
15	Trần Đình Hoan		CH, NT		X	2022- 2023	ĐH YD Thái Bình	22/01/2024 26/01/2024
16	Nguyễn Phương Linh		CH	X		2023- 2024	ĐH ĐĐ Nam Định	10/04/2025

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Chăm sóc ngoại khoa các bệnh lý hệ tiết niệu	Tham khảo ISBN: 978- 604-66- 5224-3	NXB Y học Năm 2021	5	X		1778/QĐ- YDTB Ngày 05/12/2022
2	Chăm sóc ngoại khoa các bệnh lý hệ tiêu hóa	Tham khảo ISBN: 978- 604-66-5245- 8	NXB Y học Năm 2021	5	X		1779/QĐ- YDTB Ngày 05/12/2022
3	Chăm sóc ngoại khoa các bệnh lý chấn thương	Tham khảo ISBN: 978- 604-66- 6327-0	NXB Y học Năm 2023	6	X		140/QĐ- YDTB Ngày 22/1/2024

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Đánh giá kết quả điều trị sỏi niệu quản 1/3 giữa và 1/3 trên bằng phương pháp tán sỏi nội soi Laser tại bệnh viện Xanh pôn năm 2013	CN	Cơ sở	2013	31/12/2013 Xếp loại: Tốt
2	Đánh giá kết quả điều trị dị tật lỗ tiểu lệch thấp theo phương pháp Perovic cải tiến tại bệnh viện Xanh pôn từ năm 2009 đến 10/2014	CN	Cơ sở	2014	31/12/2014 Xếp loại: Khá
3	Đánh giá kết quả điều trị U phì đại lành tính tuyến tiền liệt bằng phẫu thuật nội soi tại bệnh viện Xanh pôn năm 2014	CN	Cơ sở	2015	14/7/2015 Xếp loại: Xuất sắc
4	Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị nang thận bằng phẫu thuật nội soi tại bệnh viện Xanh pôn năm 2014 - 2016	CN	Cơ sở	2016	31/5/2016 Xếp loại: Xuất sắc
5	Đánh giá kết quả điều trị và chăm sóc người bệnh sau tán sỏi nội soi qua da tại bệnh viện Xanh pôn năm 2021	CN	Cơ sở	2021	23/7/2021 Xếp loại: Tốt
6	Đánh giá kết quả điều trị và chất lượng cuộc sống của người bệnh tăng sản lành tính tuyến tiền liệt sau phẫu thuật nội soi tại bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định năm 2023	CN	Cơ sở	2023	23/5/2024 Xếp loại: Tốt
7	Đánh giá kết quả sớm phẫu thuật nội soi sau phúc mạc cắt chỏm nang đơn thận tại bệnh viện Đại học Y Thái Bình	CN	Cơ sở	2024	13/11/2024 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, QI)	Số lần trích dẫn (Không tính tự trích dẫn)	Tập, Số, Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1	Nghiên cứu chỉ định điều trị ung thư trực tràng thấp bằng phẫu thuật nội soi tại bệnh viện 108	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 394 Tháng 6 Số 2 29-34	2012
2	Đánh giá tình trạng tái phát, di căn sau điều trị ung thư trực tràng thấp bằng phẫu thuật nội soi tại bệnh viện trung ương quân đội 108	3	x	Tạp chí Y dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 37 Số 6 Tháng 8 147-151	2012
3	Đánh giá kết quả điều trị u bàng quang bằng phương pháp cắt u qua nội soi tại bệnh viện Xanh pôn	3		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 1(857) 124-125	2013
4	Đánh giá kết quả điều trị u phì đại lành tính tuyến tiền liệt bằng phương pháp cắt nội soi tại bệnh viện Xanh pôn	2	x	Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 2(858) 52-54	2013

5	Đánh giá kết quả sớm phương pháp cắt nội soi phổi hợp tiêm Hormone điều trị ung thư tuyến tiền liệt không cần chỉ định phẫu thuật triệt căn	3		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 2(858) 24-26	2013
6	Đánh giá kết quả điều trị sỏi niệu quản bằng tán sỏi ngoài cơ thể tại khoa tiết niệu bệnh viện Xanh pôn Hà Nội	3		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 2(859) 150-152	2013
7	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của chấn thương thận tại bệnh viện Xanh Pôn Hà Nội	3		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 4(865) 43-44	2013
8	Đánh giá kết quả điều trị chấn thương thận tại bệnh viện Xanh Pôn Hà Nội	3		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 4(867) 136-138	2013
9	Điều trị nang đơn thận bằng phương pháp phẫu thuật nội soi ổ bụng cắt chỏm nang	3		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 5(870) 45-48	2013
10	Nghiên cứu ứng dụng phẫu thuật nội soi ổ bụng một đường rạch tại bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn Hà Nội	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 406 Tháng 5 Số 2 85-88	2013
11	Đánh giá chức năng tiết niệu, sinh dục, tự chủ hậu môn sau phẫu thuật nội soi điều trị ung thư trực tràng thấp tại bệnh viện 108	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 408 Tháng 7 Số 1 19-23	2013

12	Đánh giá kết quả bước đầu tán sỏi niệu quản nội soi bằng laser tại khoa Tiết niệu Bệnh viện Xanh Pôn Hà Nội	4		Tạp chí phẫu thuật nội soi và nội soi Việt Nam ISSN 1859-4506			Tập 3 Số 2 21-25	2013
Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
Các bài báo quốc tế								
13	Updated evidence of the safety and efficacy of the miniaturized percutaneous nephrolithotomy with holmium laser lithotripsy for the treatment of recurrent nephrolithiasis	4	x	European Review for Medical and Pharmacological Sciences	Scopus PubMed Q2	5	26,11	2022
14	Palliative Care Needs and Responses Among Lung Cancer Patients: Insights from a Provincial Hospital in Vietnam	4	x	Materia Socio Medica	Scopus PubMed Q2		36,4: 257-267	2024
15	Nutritional Status and Associated Factors in Non-dialysis Inpatients With Chronic Kidney Disease: a Single-center, Mixed-methods Study	5	x	Acta Informatica Medica	Scopus PubMed Q2		32,3-4: 190-195	2024

16	Retroperitoneal laparoscopic radical nephrectomy in the treatment of renal cancer: a 5-year single-center experience in resource-scare setting	4	x	Italian Journal of Medicine	ISI/SCIE Scopus Q3		18,3	2024
17	Navigating Virility: Penile Enhancement and the Evolving Landscape of Masculinity	3	x	Journal of Sexual Medicine	ISI/SCIE Scopus PubMed Q1	0	22,6:989-90	2025
18	Innovations in Kidney Stone Management: Mini-PCNL for Staghorn Calculi in Resource-Limited Settings	4	x	Frontiers in Urology	ISI/SCIE Scopus Q4	0	5,25	2025
19	Mental Health and Quality of Life in Dialysis and Transplant Patients in Vietnam: A Call for Integrated Care Models	2	x	Frontiers in Psychiatry	ISI/SCIE Scopus PubMed Q1	1	16,25	2025
20	Multi-center, prospective, non-interventional, observational study on the efficacy and safety of Mirabek® in adult patients with overactive bladder	2	x	Investigative and Clinical Urology	ISI/SCIE Scopus PubMed Q2		66,4,56	2025

21	Combination of intrarectal heated lidocaine gel and periprostatic nerve block for pain control during transrectal ultrasound-guided prostate biopsy: A prospective randomized trial	2	x	Investigative and Clinical Urology	ISI/SCIE Scopus PubMed Q2		66,4,85	2025
Các bài báo trong nước								
22	Kết quả bước đầu ghép thận tại bệnh viện xanh pôn	3		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 2(952) 55-57	2015
23	Nhận xét về tuyển chọn bệnh nhân ghép thận từ người sống hiến thận tại bệnh viện Xanh Pôn	2		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 3(953) 25-28	2015
24	Đánh giá kết quả điều trị sỏi niệu quản 1/3 giữa và 1/3 trên bằng phương pháp tán sỏi nội soi Lazer tại bệnh viện Xanh Pôn	4	x	Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 990 34-37	2016
25	Nghiên cứu thực trạng giảm đau trong đẻ bằng gây tê ngoài màng cứng trên những sản phụ chuyển dạ con so đẻ tại bệnh viện phụ sản Hà Nội năm 2017-2018	5		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 4(1069) 55-58	2018

26	Đánh giá sự hài lòng của bà mẹ với chất lượng chăm sóc tại bệnh viện phụ sản Hà Nội năm 2018	3		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 6(1072) 56-60	2018
27	Đánh giá nhu cầu chăm sóc giảm nhẹ của người bệnh sau phẫu thuật ung thư đại trực tràng tại bệnh viện K năm 2018	3	x	Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 8(1076) 112-116	2018
28	Đánh giá kết quả điều trị sỏi thận bằng phương pháp tán sỏi qua da đường hầm nhỏ không có dẫn lưu thận	3		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 9(1108) 44-46	2019
29	Đánh giá thực trạng chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau sinh tại bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2018	3		Tạp chí Khoa học điều dưỡng ISSN: 2615-9589			Tập 02 Số 1 47-54	2019
30	Một số yếu tố liên quan đến nhu cầu chăm sóc giảm nhẹ của người bệnh sau phẫu thuật ung thư đại trực tràng tại Bệnh viện K năm 2018	3		Tạp chí Khoa học điều dưỡng ISSN: 2615-9589			Tập 02 Số 1 73-82	2019
31	Vai trò của các can thiệp ít xâm lấn trong điều trị bảo tồn không mổ chấn thương thận	2	x	Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 1859-1663			Số 7(1141) 115-118	2020

32	Nghiên cứu mối liên quan giữa đặc điểm lưu thông của niệu quản với kết quả điều trị sỏi niệu quản bằng tán sỏi nội soi Laze tại bệnh viện Xanh Pôn 2019	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 493 Tháng 8 Số 1 172-176	2020
33	Nguyên cứu tỷ lệ sạch sỏi sau điều trị sỏi thận bằng tán sỏi nội soi qua da đường hầm nhỏ và các yếu tố liên quan	3	x	Tạp chí Y dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 45 Số 9 Tháng 12 84-90	2020
34	Thực trạng stress và các yếu tố liên quan của điều dưỡng tại Bệnh viện K cơ sở 2 năm 2021	3		Tạp chí Khoa học điều dưỡng ISSN: 2615-9589			Tập 4 Số 3 159-168	2021
35	"Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi ổ bụng điều trị vỡ bàng quang do chấn thương tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức từ 2014 - 2020	2	x	Tạp chí Y dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 46 Số 7 163-170	2021
36	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ sạch sỏi sau điều trị sỏi thận san hô bằng tán sỏi nội soi qua da đường hầm nhỏ tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương	2	x	Tạp chí Y dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 46 Số 8 134-140	2021

37	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân võ bìng quang do chấn thương được điều trị bằng phẫu thuật nội soi tại bệnh viện Việt Đức	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 504 Tháng 7 Số 1 137-141	2021
38	Kết quả chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật sỏi thận và một số yếu tố liên quan tại bệnh viện đa khoa xanh pôn năm 2021	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 512 Tháng 3 Số 1 163-168	2022
39	Đánh giá kết quả sớm sau phẫu thuật mở điều trị ung thư tuyến giáp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình từ năm 2018-2021	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 516 Tháng 7 Số 2 326 - 330	2022
40	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến kết quả phẫu thuật mở điều trị ung thư tuyến giáp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình từ năm 2018-2021	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 517 Tháng 8 Số 2 264-268	2022
41	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ mắc bệnh tim bẩm sinh được điều trị tại bệnh viện tim Hà Nội năm 2021	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 518 Tháng 9 Số 1 115-120	2022

42	Nghiên cứu tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhi mắc bệnh tim bẩm sinh được điều trị phẫu thuật tại bệnh viện Tim Hà Nội năm 2021	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 520 Tháng 11 Số 1B 65-70	2022
43	Thực trạng chăm sóc vết phẫu thuật nhiễm khuẩn tại bệnh viện Xanh pôn năm 2021	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 520 Tháng 11 Số 1B 266-270	2022
44	Nghiên cứu đặc điểm mô bệnh học và giai đoạn bệnh của bệnh nhân ung thư bàng quang được điều trị tại Bệnh viện Xanh pôn	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 521 Tháng 12 Số 1 110-114	2022
45	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân có sỏi thận tái phát	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 521 Tháng 12 Số 1 240-244	2022
46	Nghiên cứu tỷ lệ tai biến, biến chứng của tán sỏi qua da đường hầm nhỏ điều trị sỏi thận tái phát	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 521 Tháng 12 Số 2 107-111	2022
47	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân ung thư bàng quang được điều trị tại bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	2	x	Tạp chí Y dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 47 Số 9 76-84	2022

48	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến kết quả chăm sóc người bệnh sau tán sỏi nội soi qua da tại bệnh viện Xanh Pôn năm 2022	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 522 Tháng 1 Số 2 35-40	2023
49	Nghiên cứu mức độ hài lòng về chăm sóc bệnh nhân sỏi thận được điều trị bằng tán sỏi nội soi qua da tại bệnh viện Xanh pôn năm 2022	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 522 Tháng 1 Số 2 232-237	2023
50	Nghiên cứu tỷ lệ sạch sỏi sau tán sỏi nội soi ống mềm ngược dòng điều trị sỏi thận tại bệnh viện Xanh Pôn	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 523 Tháng 2 Số 1 152-156	2023
51	Đánh giá kết quả cắt đốt lưỡng cực tăng sản lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi niệu đạo tại bệnh viện hữu nghị Việt Đức	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 531 Tháng 10 Số 1B 386-389	2023
52	Nghiên cứu hành vi tự chăm sóc của người bệnh suy tim tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình năm 2022	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 531 Tháng 10 Số 2 261-265	2023
53	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến hành vi tự chăm sóc của người bệnh suy tim điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình năm 2022	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 532 Tháng 11 Số 1 364-368	2023

54	Đối chiếu thực tế giải phẫu người hiến sống để ghép và kết quả chụp cắt lớp vi tính	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 532 Tháng 11 Số 1B 180-184	2023
55	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân giãn tĩnh mạch tinh được điều trị tại bệnh viện Xanh pôn năm 2022	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 532 Tháng 11 Số 2 89-93	2023
56	Evaluating glomerular filtration rate in living kidney donors in Viet Duc Hospital	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 532 Số 2 50-55	2023
57	Đánh giá kết quả phẫu thuật cắt tuyến tiền liệt nội soi qua niệu đạo điều trị bệnh tăng sản lành tính tuyến tiền liệt tại Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	3	x	Tạp chí Y dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 48 Số 1 88-97	2023
58	Đánh giá kết quả chăm sóc người bệnh sau tán sỏi nội soi qua da điều trị sỏi thận tại bệnh viện đa khoa Xanh Pôn năm 2022	3	x	Tạp chí Y dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 48 Số 3 103-113	2023
59	Đánh giá kết quả điều trị sỏi thận bằng kỹ thuật tán sỏi nội soi ống mềm ngược dòng tại Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn năm 2022	3	x	Tạp chí Y dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 48 Số 4 125-133	2023

60	Đánh giá kết quả vi phẫu điều trị giãn tĩnh mạch tinh tại Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn giai đoạn 2020-2022	1	x	Tạp chí Y được học Quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 48 Số 8 99-109	2023
61	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân ung thư thận được điều trị bằng phẫu thuật nội soi tại bệnh viện Xanh Pôn	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 535 Tháng 2 Số 2 256-260	2024
62	Đánh giá tình trạng rối loạn xuất tinh trên bệnh nhân tăng sản lành tính tuyến tiền liệt được điều trị bằng phẫu thuật nội soi tại bệnh viện Xanh Pôn	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 536 Tháng 3 Số 2 101-105	2024
63	Nghiên cứu chỉ định phẫu thuật nội soi sau phúc mạc điều trị nang đơn thận tại bệnh viện đại học Y Thái Bình	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 537 Tháng 4 Số 1 81-86	2024
64	Nghiên cứu chỉ định phẫu thuật cắt một thùy tuyến giáp điều trị ung thư tuyến giáp thể biệt hóa nguy cơ thấp tại bệnh viện đa khoa Tỉnh Thái Bình	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 537 Tháng 4 Số 1 233-238	2024

65	Đánh giá kết quả phẫu thuật cắt một thùy tuyến giáp điều trị ung thư tuyến giáp thể biệt hóa nguy cơ thấp tại Bệnh viện đa khoa Tỉnh Thái Bình	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 537 Tháng 4 Số 2 106-110	2024
66	Đánh giá kết quả điều trị và chăm sóc người bệnh tăng sản lành tính tuyến tiền liệt bằng phẫu thuật nội soi qua ngả niệu đạo tại bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định năm 2023	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 540 Tháng 7 Số 1 80-84	2024
67	Đánh giá kết quả chăm sóc sau phẫu thuật nội soi điều trị viêm túi mật cấp do sỏi tại bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình năm giai đoạn 6/2022 – 6/2023	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 540 Tháng 7 Số 2 92-96	2024
68	Đánh giá chất lượng cuộc sống của người bệnh sau phẫu thuật nội soi điều trị tăng sản lành tính tuyến tiền liệt tại bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định năm 2023	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 541 Tháng 8 Số 1 90-94	2024
69	Đánh giá sự cải thiện triệu chứng chủ quan sau phẫu thuật nội soi điều trị tăng sản lành tính tuyến tiền liệt tại bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định năm 2023	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 541 Tháng 8 Số 2 285-289	2024

70	Nghiên cứu chỉ định phẫu thuật nội soi điều trị viêm túi mật cấp do sỏi tại bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 541 Tháng 8 Số 3 308-313	2024
71	Đánh giá kết quả sớm điều trị ung thư thận bằng phẫu thuật nội soi tại bệnh viện Xanh pôn	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 544 Tháng 11 Số 1 50-54	2024
72	Đánh giá tình trạng rối loạn cương dương ở bệnh nhân tăng sản lành tính tuyến tiền liệt được điều trị bằng cắt, đốt nội soi qua niệu đạo tại bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	1	x	Tạp chí Y dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 49 Số 1 143-152	2024
73	Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi sau phúc mạc cắt chỏm nang thận tại bệnh viện Đại học Y Thái Bình giai đoạn 2019-2023	2	x	Tạp chí Y dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			Tập 49 Số 3 194-203	2024
74	Nghiên cứu tỷ lệ tai biến và biến chứng của tán sỏi niệu quản nội soi bằng Holmium YAG Lazer tại bệnh viện Xanh pôn giai đoạn 2022 - 2024	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 546 Tháng 1 Số 2 66-70	2025

75	Đánh giá kết quả điều trị sỏi thận bằng tán sỏi qua da đường hầm nhỏ dưới hướng dẫn của siêu âm tại bệnh viện Xanh pôn năm 2024	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 546 Tháng 1 Số 3 56-60	2025
76	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ biến chứng sau tán sỏi nội soi qua da đường hầm nhỏ điều trị sỏi thận theo phân loại của Clavien-Dindo	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 547 Tháng 2 Số 3 333-337	2025
77	Nghiên cứu đặc điểm tình dịch đồ trước phẫu thuật của bệnh nhân giãn tĩnh mạch tinh được điều trị bằng vi phẫu tại bệnh viện Xanh pôn	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 548 Tháng 3 Số 1 312-316	2025
78	Đánh giá sự cải thiện tình trạng tình dịch đồ sau điều trị giãn tĩnh mạch tinh vi phẫu thuật và các yếu tố liên quan tại bệnh viện Xanh pôn năm 2024	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 548 Tháng 3 Số 2 306-310	2025
79	Khảo sát tỉ lệ Stress, lo âu và trầm cảm của người bệnh trước phẫu thuật tại khoa Ngoại Tiết niệu Bệnh viện Xanh Pôn năm 2024	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1869			Tập 549 Tháng 4 Số 1 172 - 176	2025

80	Phân tích một số yếu tố liên quan đến tình trạng lo âu và trầm cảm của người bệnh trước phẫu thuật tại khoa ngoại tiết niệu bệnh viện Xanh pôn năm 2024	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1869			Tập 549 Tháng 4 Số 2 319 - 323	2025
----	---	---	---	---	--	--	---	------

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **09 (số thứ tự 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21)**

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

.....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

(UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



NGUYỄN MINH AN